

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN E
TỈNH Đ**

Bản án số: 51/2021/HS-ST
Ngày 30/9/2021.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhã Phương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Y Nik Êban – Cán bộ hưu trí
2. Ông Nguyễn Thế Hằng – Cán bộ hưu trí

-Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện E, tỉnh Đ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tất tại - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2021, tại trụ sở TAND huyện K, tỉnh Đ, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 50/2021/HSST, ngày 09 tháng 09 năm 2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 11/2021/QĐXXST - HS, ngày 16 tháng 9 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Nguyễn Chí T. Sinh năm: 1994, tại B; nơi cư trú: Tổ dân phố A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Chí L, sinh năm 1970 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974. Bị cáo có vợ là Lê Thị Quỳnh N, sinh năm 1996. Bị cáo có 01 con sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: không.

Nhân thân: Chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo tại ngoại có tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Chí C. Sinh năm: 1994, tại Đ; nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ; nghề nghiệp: Nghề tự do; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Trung K, sinh năm 1965 và con bà Lê Thị Kim A, sinh năm 1964; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Chưa có án tích và chưa bị xử phạt hành chính. Bị cáo tại ngoại có tại phiên tòa.

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1/ Ông Hồ Đức H, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

2/ Ông Đồng Sỹ N, sinh năm: 1984. Nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

3/ Bà Đoàn Thị Th, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

- 4/ Bà Nguyễn Thị Triệu L, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Thôn 6, xã Đ, huyện E, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 5/ Bà Võ Thị M, sinh năm: 1956. Nơi cư trú: TDP 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 6/ Bà Hồ Thị Thanh H, sinh năm: 1979. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2B, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 7/ Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm: 1981. Nơi cư trú: Thôn Đoàn Kết, xã Ea Kmút, huyện E, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 8/ Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Thôn Hợp Thành, xã H, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 9/ Ông Nguyễn Văn S, sinh năm: 1991. Nơi cư trú: Buôn T, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 10/ Ông Hoàng Xuân Th, sinh năm: 1989. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 11/ Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm: 1985. Nơi cư trú: Thôn 7, xã C, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 12/ Ông Nguyễn Văn C, sinh năm: 1968. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Có mặt)
- 13/ Ông Trần Khánh H, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 14/ Ông Phan Mạnh T, sinh năm: 1992. Nơi cư trú: Thôn A, xã T, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 15/ Ông Thái Quang H, sinh năm: 1980. Nơi cư trú: Tổ dân phố 11, thị trấn P, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 16/ Ông Lê Thanh Đ, sinh năm: 1956. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 17/ Ông Đặng Đức H, sinh năm: 1983. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 18/ Ông Nguyễn Trường S, sinh năm: 1971. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 19/ Ông Nguyễn Trung K, sinh năm: 1965. Nơi cư trú: Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 20/ Ông Nguyễn Chí H, sinh năm: 1956. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 21/ Ông Lê Thị Quỳnh N, sinh năm: 1996. Nơi cư trú: Tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)
- 22/ Ông Hồ Thị T, sinh năm: 1963. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

23/ Ông Nguyễn Đình P, sinh năm: 1994. Nơi cư trú: Thôn Tân T, xã C, huyện K, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng giữa năm 2019, Nguyễn Chí T mượn nhà của ông Nguyễn Chí H tại địa chỉ số 38 Nguyễn Tất T, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ để mở tiệm cầm đồ và đặt tên là “Passion”. Ngoài cầm đồ, T lên mạng Internet và vào trang Web: <http://ag.mecash.vn> đặt mua một tài khoản với phí hoạt động là 1.200.000đ/năm; đặt tên đăng nhập là “Passion99”, mật khẩu là “iloveyou1325” để cập nhật và theo dõi người vay. Khoảng tháng 7/2019, T thuê người tên T1 (không rõ nhân thân lai lịch) đi thu tiền góp hàng ngày từ những người vay tiền của T; làm được khoảng 01 tháng thì T1 nghỉ, không làm nữa. Từ tháng 12/2019, T thuê Nguyễn Chí C đến giúp T đi thu tiền góp từ những người mà T đã cho vay trước đó và tìm người có nhu cầu vay tiền rồi xác minh nơi ở của họ nếu thấy họ đảm bảo điều kiện trả nợ thì C báo lại để T cho những người này vay tiền; hàng tháng T trả lương cho C từ 4.000.000 đồng/tháng đến 8.000.000 đồng/tháng. Sau khi đồng ý cho vay, T trực tiếp hoặc giao cho C trực tiếp cho khách vay tiền; khi cho vay tiền, thì T và C yêu cầu người vay phải viết giấy vay, mượn tiền và để lại các giấy tờ như: Sổ hộ khẩu, giấy khai sinh, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và các giấy tờ tùy thân khác. Hình thức mà T và C cho vay tiền, cụ thể như sau:

Vay theo hình thức lãi đứng thì cứ 10 ngày khách phải đóng lãi một lần cho đến khi trả hết tiền gốc. Lãi suất cho vay tiền đứng là 15.000 đồng/triệu/ngày (Lãi suất tương ứng 547,5%/năm).

Vay theo hình thức tiền góp thì mỗi lần vay, người vay tiền phải trả trong thời hạn 30 ngày; hàng ngày, người vay phải đóng tiền gốc và tiền lãi theo thỏa thuận cho đến khi trả hết nợ; ví dụ: Vay 5.000.000 đồng thì mỗi ngày người vay phải trả góp tiền gốc và lãi là 200.000 đồng; khi người vay trả đủ thì T thu được số tiền lãi là 1.000.000 đồng. Nếu người vay trả nợ trước thời hạn 30 ngày thì cũng phải trả đủ tiền gốc và tiền lãi theo cam kết. Đối với những người vay đã đáo hạn trước đó hoặc là người quen thì T có thể cho họ kéo dài thời hạn trả nợ và người vay phải trả đủ số tiền gốc và lãi như đã cam kết khi vay. Lãi suất vay theo hình thức tiền góp tương đương từ 134,47%/năm đến 608,3%/năm. Trong khoảng thời gian từ giữa năm 2019 đến tháng 3/2021, T và C đã có hành vi cho vay lãi nặng tại huyện K, tỉnh Đ với số người vay và số tiền thu lợi bất chính, như sau:

1. Ông Hồ Đức H đã 02 lần vay tiền của T; với hình thức vay trả góp, như sau:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 11/4/2020, vay 10.000.000đồng, mỗi ngày trả góp 400.000đồng. Khoản vay này, ông H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong vòng 19 ngày, T đã thu được 12.000.000 đồng; trong đó 10.000.000 đồng tiền gốc, 2.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 384,2%/năm).

- *Lần thứ hai:* Vào ngày 01/5/2020, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền góp 400.000 đồng. Khoản vay này, ông H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời

hạn 30 ngày nên T thu được 12.000.000 đồng; trong đó, 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 4.000.000đ, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **3.731.508 đồng**.

2. Ông Đồng Sỹ N (sinh năm 1984, trú tại thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ) đã 02 lần vay tiền của T; với hình thức vay trả góp, như sau:

- *Lần thứ nhất*: Vào ngày 01/01/2020, vay 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền góp 400.000 đồng. Khoản vay này, ông N đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 15 ngày, T thu được 12.000.000 đồng; trong đó, 10.000.000 đồng tiền gốc và 2.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 486,67%/năm).

- *Lần thứ hai*: Vào ngày 22/02/2020, vay số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền góp là 400.000 đồng. Khoản vay này, ông N trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 60 ngày, T thu được 12.000.000 đồng; trong đó, 10.000.000đ tiền gốc và 2.000.000đ tiền lãi (lãi suất tương ứng 121,67%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 4.000.000đ, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **3.589.041 đồng**.

3. Bà Đoàn Thị Th (sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ); trong khoảng thời gian từ tháng 7/2020 đến tháng 10/2020, bà Th đã 03 lần vay tiền của T; với hình thức vay trả góp. Mỗi lần vay số tiền 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 800.000 đồng; tổng số tiền bà Th đã vay là 60.000.000 đồng. Các khoản vay này, bà Th đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày, T thu được tổng số tiền 72.000.000 đồng; trong đó, 60.000.000 tiền gốc và 12.000.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 12.000.000đ, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **11.013.708 đồng**.

4. Bà Nguyễn Thị Triệu L (sinh năm 1994, trú tại thôn 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ); từ khoảng tháng 6/2019 đến cuối năm 2020, bà L đã vay của T 01 dây tiền góp và 01 dây tiền đứng, như sau:

- *Dây tiền góp*: Bà L đã vay 07 lần, với tổng số tiền 57.500.000 đồng. Các khoản vay này, bà L đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày, T thu được 68.000.000 đồng; trong đó, 57.500.000 đồng tiền gốc và 10.500.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

- *Dây tiền đứng*: Bà L đã vay 02 lần, mỗi lần vay 4.000.000 đồng; sau 10 ngày bà L phải đóng tiền lãi cho mỗi khoản vay số tiền là 600.000 đồng. Tổng số tiền 02 lần vay theo hình thức tiền đứng là 8.000.000 đồng. Các khoản vay này, bà L đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày, T thu được 11.600.000 đồng; trong đó, 8.000.000 đồng tiền gốc và 3.600.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 547,5%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 14.100.000đ, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **13.023.297 đồng**.

5. Bà Võ Thị M (sinh năm 1956, trú tại tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ), từ cuối năm 2019 đến khoảng tháng 3/2021 bà M đã vay 02 dây tiền của T; với hình thức vay trả góp, như sau:

- *Dây thứ nhất:* Bà M đã vay 10 lần; mỗi lần vay 7.500.000 đồng, với tổng số tiền 75.000.000 đồng; mỗi lần vay phải trả góp 300.000 đồng/1 ngày. Các khoản vay này, bà M đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày, T thu được 90.000.000 đồng; trong đó, 75.000.000 đồng tiền gốc và 15.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

- *Dây thứ hai:* Bà M vay 12 lần, mỗi lần vay 5.000.000 đồng, với tổng số tiền 60.000.000 đồng; mỗi lần vay phải trả góp 200.000 đồng/1 ngày; thời hạn trả nợ cho mỗi khoản vay là 30 ngày. Từ lần vay thứ nhất đến lần vay thứ mười một, bà M đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi; lần vay thứ mười hai, bà M đã trả được 26 ngày là 5.200.000 đồng; trong đó, 4.333.333 đồng tiền gốc và 866.667 đồng tiền lãi; bà M còn nợ T 666.667 đồng tiền gốc. Tổng số tiền T thu được là 71.200.000 đồng; trong đó, 59.333.333 đồng tiền gốc và 11.866.667 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 26.866.667 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **24.667.961 đồng**.

6. Bà Hồ Thị Thanh H (sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 2B, thị trấn E K, huyện K, tỉnh Đ); từ khoảng tháng 02/2020 đến tháng 3/2021, bà H đã vay 02 dây tiền của T; với hình thức vay trả góp, như sau:

Dây thứ nhất:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 25/02/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 22 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 331,8%/năm).

- *Lần thứ hai:* Vào ngày 18/3/2020, vay 5.000.000 đồng; mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 37 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 197,3%/năm).

- *Lần thứ ba:* Vào ngày 25/4/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 24 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 304,17%/năm).

- *Lần thứ tư:* Vào ngày 19/5/2020, vay 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 12 ngày, T thu được 9.000.000 đồng; trong đó, 7.500.000 đồng tiền gốc và 1.500.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 608,3%/năm).

- *Lần thứ năm:* Vào ngày 01/6/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 13 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 561,5%/năm).

- *Lần thứ sáu:* Vào ngày 13/6/2020, vay 7.500.000 đồng, mỗi ngày trả góp 300.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả được 11 ngày là 3.300.000 đồng; trong đó, có 2.750.076 đồng tiền gốc và 549.924 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm). Bà H còn nợ tiền gốc của T số tiền là 4.749.924 đồng.

Dây thứ hai:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 04/3/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 20 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 365%/năm).

- *Lần thứ hai:* Vào ngày 24/3/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 39 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 187,2%/năm).

- *Lần thứ ba:* Vào ngày 02/5/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà H đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 29 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 251,7%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 9.049.924 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **8.451.250 đồng**.

7. Bà Nguyễn Thị Kim Đ (sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đ) vay tiền của T 03 lần; với hình thức vay trả góp, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 19/4/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà Đ đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 16 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 456,25%/năm).

- *Lần thứ hai:* Vào ngày 05/5/2020, vay 5.000.000đ, mỗi ngày trả góp 200.000đ. Khoản vay này, bà Đ đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 17 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 429,4%/năm).

- *Lần thứ ba:* Vào ngày 22/5/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000 đồng. Khoản vay này, bà Đ đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày nên T thu được 6.000.000 đồng; trong đó; 5.000.000đ tiền gốc và 1.000.000đ tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **2.827.398 đồng**.

8. Bà Nguyễn Thị Phương U (sinh năm 1994, trú tại thôn Hợp Thành, xã H, huyện K, tỉnh Đ) vay tiền của T 02 lần; với hình thức vay trả góp, cụ thể:

- *Lần thứ nhất:* Vào ngày 21/3/2020, vay 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 200.000đ. Khoản vay này, bà U đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 25 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 292%/năm).

- *Lần thứ hai:* Vào ngày 15/4/2020, vay 5.000.000đ, mỗi ngày trả góp 200.000đ. Khoản vay này, bà U đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày, T thu được 6.000.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 1.000.000 đồng tiền lãi (lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **1.849.316 đồng**.

9. Ông Nguyễn Văn S (sinh năm 1991, trú tại buôn T, thị trấn Ea, huyện K, tỉnh Đ); từ ngày 19/3/2020 đến 30/4/2020, ông S vay tiền của T 02 lần; với hình thức vay trả góp. Mỗi lần vay 10.000.000 đồng, với tổng số tiền 20.000.000 đồng; mỗi lần vay phải trả góp 400.000 đồng/ ngày. Các khoản vay này, ông S đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày, T thu được 24.000.000 đồng; trong đó, 20.000.000 đồng tiền gốc và 4.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **3.671.236 đồng**.

10. Ông Hoàng Xuân Th (sinh năm 1989, trú tại Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ); khoảng đầu năm 2020, ông Th đã vay tiền của T 02 lần, với tổng số tiền 15.000.000 đồng; hình thức vay trả góp. Các khoản vay này, ông Th đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 30 ngày, T thu được 18.000.000 đồng; trong đó, 15.000.000 đồng tiền gốc và 3.000.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 243,3%/năm).

Tổng tiền lãi cho vay thu được là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi thu lợi bất chính là **2.753.427 đồng**.

11. Ông Nguyễn Tiến D (sinh năm 1985, trú tại thôn 7, xã C, huyện K, tỉnh Đ); vào đầu năm 2020, D đã vay của T số tiền 5.000.000đ; hình thức vay trả góp, mỗi ngày trả góp 150.000đ. Khoản vay này, ông D đã trả đủ tiền gốc và tiền lãi trong thời hạn 38 ngày, T thu được 5.700.000 đồng; trong đó, 5.000.000 đồng tiền gốc và 700.000 đồng tiền lãi (Lãi suất tương ứng 134,47%/năm). Số tiền thu lợi bất chính là **595.890 đồng**.

Như vậy, tổng số tiền mà T đã cho 11 người nêu trên vay là 415.500.000 đồng, với mức lãi suất cho vay từ 134,47%/năm đến 608,3%/năm; tổng số tiền lãi thu được là 82.716.591 đồng. Sau khi khấu trừ mức lãi suất 20%/1 năm, theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền là 6.542.559 đồng, thì tổng số tiền lãi thu lợi bất chính mà T đã thu được là **76.174.032 đồng**. Trong số 11 người vay tiền trên thì C trực tiếp giúp T cho ông Đồng Sỹ N và Hoàng Xuân Th vay tiền, với tổng số tiền 35.000.000 đồng; thu tiền trả góp hàng ngày của 10 người là ông H; ông Ng; bà Th; bà M; bà H; bà Đ; bà U; ông S; ông Th và ông D; C đã giúp T thu lợi bất chính số tiền 63.105.735đ. Trong thời gian làm thuê cho T, C đã được nhận tổng số tiền lương là 62.000.000 đồng.

*** Vật chứng thu giữ gồm:**

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk thu giữ cụ thể như sau:

- Thu giữ các giấy vay, mượn tiền:

+ Giấy vay tiền cá nhân, bên vay tiền: Thái Quang H, số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

+ Giấy vay tiền cá nhân, bên vay tiền: Nguyễn Đình P, số tiền vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng).

+ Giấy vay tiền cá nhân, bên vay tiền: Phan Mạnh T, số tiền vay 12.000.000đ (mười hai triệu đồng).

+ Giấy vay tiền, bên vay tiền: Đặng Đức H, số tiền vay 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

+ Giấy vay tiền, bên vay tiền: Hồ Thị T, số tiền vay 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng).

+ Giấy vay tiền, bên vay tiền: Nguyễn Văn C, số tiền vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng).

+ Giấy mượn tiền, bên cho mượn: Nguyễn Chí C, bên mượn tiền: Trần Khánh H, số tiền vay 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

Đây là các tài liệu không liên quan đến việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo T là các chủ sở hữu hợp pháp.

- Thu giữ các giấy tờ, gồm:

+ 01 giấy chứng M, 01 sổ hộ khẩu, 01 sổ tạm trú (phô tô) mang tên Thái Quang H.

+ 02 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất (phô tô) của Bùi Thị Huyền Tr

+ 01 giấy chứng M nhân dân (phô tô) của Nguyễn Thị Thu Th.

+ 01 chứng M nhân dân, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh (gốc) và 04 giấy trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc L.

+ 01 sổ hộ khẩu (phô tô) mang tên Nguyễn Chí L.

Các loại giấy tờ đã thu giữ trên không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo nên cần trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

- Thu giữ các tài sản, gồm:

+ 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng đỏ, biển số 47F1-333.98 và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Phan Hữu S, là tài sản của ông Nguyễn Trung K (bố của C) mua của ông Phan Hữu S, khi cho mượn xe thì ông K không biết việc C sử dụng xe mô tô để đi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang ông Nguyễn Trường S; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho ông Nguyễn Tấn T. Ngày 05/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã ra Quyết định xử lý vật chứng số: 20 trả lại các tài sản trên cho các chủ sở hữu hợp pháp.

+ 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone12 P10 màu vàng, có số Imei 356703112324396 của Nguyễn Chí T sử dụng đăng nhập trang Web để quản lý việc thu chi tiền vay; 01 điện thoại Iphone xs max màu vàng, số Imei:

357297099271182 và số Imei: 357297098937254 của Nguyễn Chí C sử dụng để liên lạc thu tiền lãi. Đây là các tài sản sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

- Thu giữ số tiền 12.000.000 đồng của Nguyễn Chí T và số tiền 1.000.000 đồng của Nguyễn Chí C; đây là số tiền các bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục tạm giữ để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với các bị cáo.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án vay tiền của T, C không yêu cầu gì và đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số: 54/CT-VKS ngày 07 tháng 9 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố các bị cáo Nguyễn Chí T và Nguyễn Chí C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện Ea Kar giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo. Đồng thời phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Nguyễn Chí T và Nguyễn Chí C về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Chí T mức án từ 18 tháng đến 22 tháng cải tạo không giam giữ.

- Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201 phạt bị cáo số tiền từ 30.000.000đ đến 45.000.000đ để sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, đề nghị tuyên phạt bị cáo Nguyễn Chí C mức án từ 15 tháng đến 18 tháng cải tạo không giam giữ.

Do các bị cáo không có thu nhập nên không bị khấu trừ thu nhập hàng tháng để sung công quỹ Nhà nước đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47, khoản 1 Điều 48 BLHS; điểm a, b khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tổng số tiền mà bị cáo T đã cho 11 người vay là 415.500.00đ; Quá trình cho vay, bà Võ Thị M còn nợ lại tiền gốc là 666.667đ; bà Hồ Thị Thanh H còn nợ lại tiền gốc là 4.749.924đ. Do vậy, truy thu của bị cáo Nguyễn Chí T số tiền 410.083.409đ là tiền gốc và 6.542.559 là tiền lãi 20%/năm không vượt quá lãi suất quy định mà những người vay đã đóng và bị cáo T đã nhận, để sung vào ngân sách nhà nước.

- Truy thu của bà Võ Thị M số tiền 666.667đ; bà Hồ Thị Thanh H số tiền 4.749.924đ, là số tiền gốc mà bà M, bà H còn nợ của bị cáo T để sung công quỹ nhà nước.

- Buộc bị cáo T và bị cáo Nguyễn Chí C phải liên đới trả lại số tiền là 76.174.032đ; trong đó, bị cáo C phải trả số tiền là 62.000.000đ, bị cáo T phải trả số tiền là 14.174.032đ, là số tiền thu lợi bất chính để trả lại cho 11 người; cụ thể như sau:

1. Ông Hồ Đức H số tiền là 3.731.508 đồng.

2. Ông Đồng Sỹ N số tiền là 3.589.041 đồng.
3. Bà Đoàn Thị Th số tiền là 11.013.708 đồng.
4. Bà Nguyễn Thị Triệu L số tiền là 13.023.297 đồng.
5. Bà Võ Thị M số tiền là 24.667.961 đồng.
6. Bà Hồ Thị Thanh H số tiền là 8.451.250 đồng.
7. Bà Nguyễn Thị Kim Đ số tiền là 2.827.398 đồng.
8. Bà Nguyễn Thị Phương U số tiền là 1.849.316 đồng.
9. Ông Nguyễn Văn S số tiền là 3.671.236 đồng.
10. Ông Hoàng Xuân Th số tiền là 2.753.427 đồng.
11. Ông Nguyễn Tiến D số tiền là 595.890 đồng.

Tiếp tục tạm giữ của bị cáo T số tiền là 12.000.000đ và bị cáo C số tiền 1.000.000đ, để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone12 P10 màu vàng, có số Imei 356703112324396 của Nguyễn Chí T; 01 điện thoại Iphone xs max màu vàng, số Imei: 357297099271182 và số Imei: 357297098937254 của Nguyễn Chí C, vì sử dụng vào việc phạm tội.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Chí T các giấy vay mượn tiền, gồm: Giấy vay tiền cá nhân, bên vay tiền: Thái Quang H, số tiền vay 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng); Giấy vay tiền cá nhân, bên vay tiền: Nguyễn Đình P, số tiền vay 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); Giấy vay tiền cá nhân, bên vay tiền: Phan Mạnh T, số tiền vay 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); Giấy vay tiền, bên vay tiền: Đặng Đức H, số tiền vay 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng); Giấy vay tiền, bên vay tiền: Hồ Thị T, số tiền vay 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng); Giấy mượn tiền, bên cho mượn: Nguyễn Chí C, bên mượn tiền: Trần Khánh H, số tiền vay 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng); Giấy vay tiền, bên vay tiền: Nguyễn Văn C, số tiền vay 300.000.000đ (ba trăm triệu đồng), vì không liên quan đến việc phạm tội.

- Trả lại các giấy tờ, gồm: 01 giấy chứng M, 01 sổ hộ khẩu, 01 sổ tạm trú (phô tô) mang tên Thái Quang H; 02 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất (phô tô) của Bùi Thị Huyền Tr; 01 giấy chứng M nhân dân (phô tô) của Nguyễn Thị Thu Th; 01 chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh (gốc) và 04 giấy trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc L; 01 sổ hộ khẩu (phô tô) mang tên Nguyễn Chí L, cho các chủ sở hữu hợp pháp; vì không liên quan đến việc phạm tội.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện E đã ra Quyết định số: 20 ngày 05/8/2021, trả 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng đỏ, biển số 47F1-333.98 và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Phan Hữu S, cho ông Nguyễn Trung K; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho ông Nguyễn

Trường S; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho ông Nguyễn Tấn T, là các chủ sở hữu hợp pháp.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, kính đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, Công an huyện EaKar, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội mà Viện kiểm sát đã truy tố, Hội đồng xét xử thấy rằng: Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của những người liên quan và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Như vậy, đã có đủ cơ sở pháp lý để kết luận: Trong thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 3/2021, Nguyễn Chí T và Nguyễn Chí C đã dùng số tiền 415.500.000 đồng để cho 11 người vay với mức lãi suất cho vay tương ứng từ 134,47%/năm đến 608,3%/năm; sau khi cho vay đã thu được tổng số tiền lãi là 82.716.591 đồng.

Sau khi khấu trừ mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Nhà nước thì Nguyễn Chí T đã thu lợi bất chính tổng số tiền là **76.174.032 đồng**; Nguyễn Chí C là đồng phạm giúp sức cho T trong việc cho vay tiền, thu tiền nợ gốc và lãi hàng ngày cho T. Do đó, Hành vi của các bị cáo Nguyễn Chí T và Nguyễn Chí C đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Điều 201. Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

1. Người nào trong giao dịch dân sự mà cho vay với lãi suất gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính từ 30.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này hoặc đã bị kết án về tội này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 200.000.000 đồng hoặc phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm.

.....

3. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý về kinh tế của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo phải biết được rằng hành vi cho vay lãi nặng là vi phạm quy định của pháp luật, nhưng vì mục đích tư lợi cá nhân nên các bị cáo đã thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo núp dưới bóng của dịch vụ “tiệm cầm đồ” để thực hiện việc cho vay lãi nặng để thu lợi bất chính. Do đó, hành vi của các bị cáo sẽ bị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Trong vụ án này, các bị cáo tham gia với vai trò, mức độ khác nhau, tình tiết tăng nặng giảm nhẹ khác nhau nên cần phân hóa để áp dụng hình phạt cho phù hợp đối với từng bị cáo. Đối với bị cáo Nguyễn Chí T là người khởi xướng trong thời gian mở tiệm dịch vụ cầm đồ đã nảy sinh ý định cho vay với lãi suất cao để thu lợi bất chính nên T đã thuê nhà mở tiệm để tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng dưới hình thức kinh doanh tiệm cầm đồ, thuê C có nhiệm vụ đi thu tiền góp, tiền lãi của những người cho vay hàng tháng, trả lương cho C từ 4.000.000 đồng/tháng đến 8.000.000đồng/tháng. T là người quản lý chính, quản lý tiền vốn, tiền lãi và các trường hợp cho vay đều phải có ý kiến của T, còn đối với Nguyễn Chí C là đồng phạm trong vụ án, tuy không bỏ tiền góp vốn nhưng được T thuê đi thu tiền góp và tiền lãi của những khách đã vay tiền với số tiền thu lợi bất chính là 63.105.735đồng. Do đó, C thực hiện hành vi phạm tội với vai trò thứ yếu nên mức hình phạt của C sẽ thấp hơn T là phù hợp.

* *Về tình tiết tăng nặng*: Không

* *Về tình tiết giảm nhẹ*: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đều thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Quá trình tranh tụng tại phiên tòa xác định các bị cáo hiện nay không có việc làm ổn định nên việc Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar đề nghị miễn khẩu trừ thu nhập cho các bị cáo là phù hợp nên cần chấp nhận.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính đối với bị cáo T từ 18 tháng đến 22 tháng cải tạo không giam giữ. HĐXX xét thấy, trong thời gian từ tháng 6/2019 đến tháng 3/2021, Nguyễn Chí T đã dùng số tiền 415.500.000 đồng để cho vay với mức lãi suất cho vay tương ứng từ 134,47%/năm đến 608,3%/năm là quá cao để thu lợi bất chính nên cần áp dụng một mức hình phạt cao hơn mức hình phạt mà Viện kiểm sát đề nghị, có như vậy mới tương xứng với hành vi mà bị cáo gây ra, nhằm giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét mức hình phạt chính đối với bị cáo C và hình phạt bổ sung đối với bị cáo T mà đại diện Viện kiểm sát đưa ra là phù hợp nên HĐXX cần chấp nhận.

Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Đắk Lắk, thu giữ được một sao kê người vay, số tiền vay và tài liệu in sao kê từ máy điện thoại của các bị can thể hiện việc các bị can còn cho một số người vay tiền. Tuy nhiên, do giấy sao kê và in sao kê tài liệu từ điện thoại không thể hiện lãi suất cho vay và các trường hợp vay tiền không ghi rõ đầy đủ họ tên, địa chỉ của người vay. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành xác minh; đồng thời, thông báo tìm những

người liên quan đến việc vay tiền của T và C nhưng không xác định được nhân thân, địa chỉ nên chưa tiến hành lấy lời khai và thu thập tài liệu có liên quan làm căn cứ xác định T và C có cho những người này vay tiền lãi nặng trong giao dịch dân sự hay không, cụ thể như sau:

1. Người tên G: Vay tiền trả góp của T 02 lần, với tổng số tiền là 20.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền góp là 400.000 đồng; đã thu được 13.666.670 đồng tiền gốc và 2.773.330 đồng tiền lãi; hiện vẫn chưa trả hết tiền gốc.

2. Người tên H: Vay trả góp của T số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả tiền góp là 400.000 đồng; đã thu được 2.766.740 đồng tiền gốc và 533.260 đồng tiền lãi; hiện vẫn chưa trả hết tiền gốc.

3. Người tên H1: Vay tiền trả góp của T 02 lần, với tổng số tiền là 12.500.000 đồng; đã thu được 7.000.055 đồng tiền gốc và 1.399.945 đồng tiền lãi; hiện vẫn chưa trả hết tiền gốc.

4. Người tên H2: Trong khoảng thời gian từ tháng 12/2019 đến ngày 21/02/2020, vay tiền trả góp của T 04 lần, với tổng số tiền 60.000.000 đồng, mỗi ngày trả góp 600.000 đồng. Lần vay thứ 4, T không tính lãi suất; đã thu được 60.000.000 đồng tiền gốc và 9.000.000 đồng tiền lãi.

5. Người tên M: Trong khoảng thời gian từ ngày 09/4/2019 đến ngày 23/6/2020, vay tiền trả góp của T 04 lần, với tổng số tiền là 12.000.000 đồng; đã thu được 12.000.000 đồng tiền gốc và 2.400.000 đồng tiền lãi.

- Ngoài việc cho vay tiền với lãi suất cao; T còn cho một số người vay tiền nhưng không tính lãi, gồm: Ngày 06/01/2021, cho ông Nguyễn Văn C mượn 300.000.000đ; ngày 19/8/2020, cho ông Trần Khánh H vay 14.400.000đ; ngày 20/8/2020, cho Phan Mạnh T vay 12.000.000đ; ngày 29/12/2020, cho Thái Quang H vay 100.000.000đ; khoảng đầu năm 2019, cho ông Lê Thanh Đ vay 4.000.000đ; ngày 30/6/2020, cho Đặng Đức H vay 120.000.000đ và ngày 19/12/2019, cho ông Nguyễn Trường S vay số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 09/01/2020, ông S đã trả đủ tiền gốc và lãi; Tuy nhiên, T và ông S đều không nhớ tiền lãi là bao nhiêu.

- Đối với việc Nguyễn Chí T cho bà Hồ Thị T và ông Nguyễn Đình P vay tổng số tiền là 163.000.000 đồng, thu được số tiền lãi 1.520.000 đồng. Tuy nhiên, việc T cho bà T và ông P vay tiền như trên chưa vượt quá 05 lần lãi suất do Nhà nước quy định nên không xem xét xử lý.

- Đối với việc Nguyễn Chí T cho một số người có tên: G, H, H1, H2 và M (chưa rõ nhân thân lai lịch) vay tổng số tiền là 124.500.000 đồng. Quá trình điều tra, đã tiến hành xác minh, thông báo tìm kiếm những người trên; tuy nhiên, không xác định được nhân thân lai lịch của những người trên nên chưa tiến hành lấy lời khai và thu thập tài liệu có liên quan đến việc T cho những người trên vay tiền lãi nặng. Vì vậy, chưa có căn cứ để xử lý đối với hành vi có dấu hiệu cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Chí T đối với những người nêu trên.

Theo lời khai của T: Vào tháng 7/2019, đã thuê người tên Toàn đi thu tiền góp hàng ngày từ những người vay tiền của T, Toàn làm thuê được một tháng thì

ngiht không làm nữa. Tuy nhiên, quá trình điều tra không xác định được nhân thân lai lịch của người tên Toàn, chưa tiến hành lấy lời khai và không thu thập được tài liệu chứng cứ để xác định Toàn đã giúp T thu lợi bất chính số tiền là bao nhiêu nên không có căn cứ xử lý Toàn về hành vi đồng phạm giúp sức cho T trong việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Đối với ông Nguyễn Chí H là chủ của số nhà 38 Nguyễn Tất Thành, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ cho T thuê để kinh doanh tiệm cầm đồ, nhưng ông H không biết việc T thuê để cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự, do đó không có căn cứ để xử lý.

[4]. Về các biện pháp tư pháp:

Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an huyện EaKar đã xác định được như sau:

+ Tổng số tiền T cho 11 người vay là 415.500.000đ (Bốn trăm mười lăm triệu năm trăm nghìn đồng) nhưng trong đó bà Hồ Thị Thanh H còn nợ lại T 4.749.924đồng, bà Võ Thị M còn nợ lại T 666.667đồng. Như vậy cần truy thu của bị cáo T số tiền 410.083.409đồng là công cụ phương tiện phạm tội để sung ngân sách nhà nước.

+ Tiền lãi suất tương ứng mức lãi suất 20%/năm với số tiền 6.542.559 đồng, là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần truy thu của bị cáo T để sung ngân sách nhà nước.

+ Đối với khoản tiền thu lợi bất chính với số tiền 76.174.032 đồng đây là khoản tiền lãi vượt quá 20%/năm mà bị cáo thu lợi của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (tức là những người vay) cần buộc bị cáo phải có trách nhiệm trả cho những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là phù hợp.

+ Đối với khoản tiền gốc mà bị cáo đã cho vay thì còn bà H và bà M chưa trả đủ (bà Hồ Thị Thanh H còn nợ lại T 4.749.924đồng, bà Võ Thị M còn nợ lại T 666.667đồng). Do đó, cần buộc những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan này phải nộp số tiền nợ gốc đã vay mà chưa trả đủ này để sung vào ngân sách Nhà nước.

+ Đối với số tiền mà T đã trả tiền công thuê C là 62.000.000 đồng, trong quá trình Điều tra và tại phiên tòa các bị cáo xác định số tiền trả tiền công cho C là khoản tiền đã thu lợi bất chính của những người vay tiền, nên HĐXX cần truy thu của bị cáo C để nộp ngân sách Nhà nước số tiền 62.000.000 đồng là phù hợp.

[5]. Về xử lý vật chứng:

Đối với các đồ vật, tài sản là phương tiện sử dụng vào việc phạm tội cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước. Còn đối với các giấy vay tiền xác định là chứng cứ cần lưu trong hồ sơ vụ án là phù hợp.

Đối với các giấy tờ, tài liệu không liên quan đến việc phạm tội thì trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp là phù hợp.

Đối với số tiền 12.000.000 đồng của Nguyễn Chí T giao nộp nhưng không sử dụng vào việc phạm tội. Nhưng đây là tài sản chung của vợ chồng T nên cần trả lại cho bà Lê Thị Quỳnh N 6.000.000đ, trả lại cho T 6.000.000đ. Tuy nhiên,

cần phải tiếp tục tạm giữ số tiền này của T để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với bị cáo.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng của Nguyễn Chí C giao nộp nhưng không sử dụng vào việc phạm tội nên trả lại cho bị cáo. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục tạm giữ số tiền này để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với bị cáo.

[6] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

[1] Về tội danh và hình phạt.

TU bố bị cáo Nguyễn Chí T và Nguyễn Chí C phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

[1.1] Căn cứ khoản 1 Điều 201; các điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 36 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí T 02 (hai) năm cải tạo không giam giữ.

Áp dụng khoản 3 Điều 201 Bộ luật hình sự: Phạt bổ sung đối với bị cáo Nguyễn Chí T số tiền 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước. Thời hạn nộp tiền kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Chí C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ

Thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND TT E, huyện K, tỉnh Đ được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Giao các bị cáo cho UBND thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ để giám sát, giáo dục người bị kết án. Gia đình người bị kết án có trách nhiệm phối hợp với UBND thị trấn E trong việc giám sát giáo dục các bị cáo.

Trường hợp người bị cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án Hình sự.

[2]. Các biện pháp tư pháp:

Áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47; khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Chí T số tiền 416.625.968đồng (Bốn trăm mười sáu triệu sáu trăm hai mươi lăm nghìn chín trăm sáu mươi tám đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Truy thu của bị cáo Nguyễn Chí C số tiền 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo Nguyễn Chí T phải có trách nhiệm trả số tiền 76.174.032 đồng là khoản tiền thu lợi bất chính để trả lại cho những người đi vay cụ thể trả lại cho những người sau đây:

1. Ông Hồ Đức H, sinh năm: 1987. Nơi cư trú: Tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ số tiền 3.731.508 đồng.

2. Ông Đồng Sỹ N, sinh năm 1984, trú tại thôn 5, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ số tiền 3.589.041 đồng.

3. Bà Đoàn Thị Th, sinh năm 1983, trú tại tổ dân phố 3A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ số tiền 11.013.708 đồng.

4. Bà Nguyễn Thị Triệu L, sinh năm 1994, trú tại thôn 6, xã Đ, huyện K, tỉnh Đ số tiền 13.023.297 đồng.

5. Bà Võ Thị M, sinh năm 1956, trú tại tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ số tiền 24.667.961 đồng.

6. Bà Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 2B, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ số tiền 8.451.250 đồng.

7. Bà Nguyễn Thị Kim Đ, sinh năm 1981, trú tại thôn Đ, xã K, huyện K, tỉnh Đ số tiền 2.827.398 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Phương U, sinh năm 1994, trú tại thôn H, xã H, huyện K, tỉnh Đ số tiền 1.849.316 đồng.

9. Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1991, trú tại buôn T, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ số tiền 3.671.236 đồng.

10. Ông Hoàng Xuân Th, sinh năm 1989, trú tại Tổ dân phố 4, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ số tiền 2.753.427 đồng.

11. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1985, trú tại thôn 7, xã C, huyện K, tỉnh Đ số tiền 595.890 đồng.

“Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án, của người được thi hành án đối với khoản tiền bồi thường, cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015”.

- Buộc những người có tên dưới đây phải nộp số tiền nợ gốc còn lại chưa trả bị cáo T để sung vào ngân sách Nhà nước tổng cộng số tiền là 5.416.591 đồng (Năm triệu bốn trăm mười sáu nghìn năm trăm chín một đồng), cụ thể:

+ Bà Hồ Thị Thanh H, sinh năm 1979, trú tại tổ dân phố 2B, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ số tiền 4.749.924 đồng

+ Bà Võ Thị M, sinh năm 1956, trú tại tổ dân phố 2A, thị trấn E, huyện K, tỉnh Đ số tiền 666.667 đồng.

Về xử lý vật chứng:

+ Trả lại cho bị cáo T các giấy tờ gồm: Giấy vay tiền cá nhân, bên vay tiền: Phan Mạnh T, số tiền vay 12.000.000đ (mười hai triệu đồng); Giấy vay tiền, bên vay tiền: Đặng Đức H, số tiền vay 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng);

Giấy vay tiền, bên vay tiền: Hồ Thị T, số tiền vay 23.000.000đ (hai mươi ba triệu đồng); Giấy vay tiền, bên vay tiền: Nguyễn Văn C, số tiền vay 300.000.000đ (Ba trăm triệu đồng); Giấy mượn tiền, bên cho mượn: Nguyễn Chí C, bên mượn tiền: Trần Khánh H, số tiền vay 14.400.000đ (mười bốn triệu bốn trăm ngàn đồng).

- Các giấy tờ, gồm: 01 giấy chứng M, 01 sổ hộ khẩu, 01 sổ tạm trú (phô tô) mang tên Thái Quang H; 02 giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất (phô tô) của Bùi Thị Huyền Tr; 01 giấy chứng M nhân dân (phô tô) của Nguyễn Thị Th Thanh; 01 chứng M nhân dân, 01 sổ hộ khẩu, 01 giấy khai sinh (gốc) và 04 giấy trích lục khai sinh mang tên Nguyễn Ngọc L; 01 sổ hộ khẩu (phô tô) mang tên Nguyễn Chí L trả lại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

- Chấp nhận việc cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện EaKar trả lại tài sản cho các chủ sở hữu hợp pháp, gồm: 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Sirius, màu trắng đỏ, biển số 47F1-333.98 và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Phan Hữu S, là tài sản của ông Nguyễn Trung K; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô mang ông Nguyễn Trường S; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô cho ông Nguyễn Tấn T.

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone12 P10 màu vàng, có số Imei 356703112324396 của Nguyễn Chí T; 01 điện thoại Iphone xs max màu vàng, số Imei: 357297099271182 và số Imei: 357297098937254 của Nguyễn Chí C.

- Trả lại cho bà Lê Thị Quỳnh N số tiền 6.000.000đ, trả lại cho Nguyễn Chí T số tiền 6.000.000đ, trả lại cho Nguyễn Chí C số tiền 1.000.000 đồng. Tuy nhiên, cần phải tiếp tục tạm giữ số tiền này của T và C để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án đối với các bị cáo.

(Các đồ vật, tài liệu, tài sản trên có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 09/9/2021 tại Cục thi hành án dân sự huyện E, tỉnh Đ).

[3] Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a Khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí C mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

[4] Về quyền kháng cáo: Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra 1 – TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Công an huyện EaKar;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện EaKar;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhã Phương